

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPMT

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Trang trại chăn nuôi lợn của ông Nguyễn Văn Sửu tại vùng Cồn Đầu, thôn Tân Thượng, xã Tân Lộc, huyện Lộc Hà” (Đoàn kiểm tra);

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình 1931/TTr-STNMT ngày 07/5/2024 (trên cơ sở đề xuất của Ông Nguyễn Văn Sửu tại Văn bản số 15/CV-NVS ngày 31/7/2023 và hồ sơ kèm theo; ý kiến của Đoàn kiểm tra tại Văn bản số 4522/STNMT-MT ngày 01/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn bản số 08/TTr-NVS ngày 17/4/2024 của Ông Nguyễn Văn Sửu về bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện), ý kiến thống nhất của các Thành viên UBND tỉnh qua Biểu quyết.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho ông Nguyễn Văn Sửu (địa chỉ: Thôn Bằng Châu, xã Thạch Châu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Trang trại chăn nuôi lợn” với các nội dung sau đây:

#### 1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: “Trang trại chăn nuôi lợn của ông Nguyễn Văn Sửu”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Tân Thượng, xã Tân Lộc, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số: 28.L.8.002977 do Phòng Tài chính kế hoạch - UBND huyện Lộc Hà cấp lần đầu ngày 06/9/2019.

1.4. Mã số người nộp thuế: 8193915661;

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của Cơ sở: Chăn nuôi lợn.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Quy mô Cơ sở tương đương với Dự án thuộc nhóm C theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công và có tiêu chí về môi trường thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Phạm vi: Cơ sở đã xây dựng trên khu đất có diện tích 61.211,5 m<sup>2</sup>, tại thôn Tân Thượng, xã Tân Lộc, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

- Quy mô, công suất chăn nuôi: 450 con lợn nái; 5 con lợn đực; 2.000 con lợn thịt; 4.500 con lợn con (dưới 28 ngày tuổi). Tổng số tính theo đơn vị vật nuôi là 700 đơn vị vật nuôi.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với mùi, khí thải quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện các yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

## **Điều 2. Trách nhiệm các cơ quan liên quan**

1. UBND huyện Lộc Hà cơ quan phê duyệt chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh và cơ quan thanh tra, kiểm tra về toàn bộ nội dung liên quan đến hồ sơ, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư và công tác quản lý nhà nước đối với dự án nêu trên.

2. Ông Nguyễn Văn Sửu (người đề xuất), Đoàn kiểm tra, Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan thẩm định, đề xuất) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan liên quan về nội dung, số liệu báo cáo và đề xuất tại các Tờ trình, Văn bản nêu trên và quá trình tổ chức thực hiện, đảm bảo thực hiện đúng các quy định về môi trường, đầu tư, quy hoạch và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND huyện Lộc Hà theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn Chủ cơ sở thực hiện theo đúng quy định; kịp thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh các nội dung liên quan.

**Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của ông Nguyễn Văn Sửu sau khi được cấp Giấy phép môi trường:**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường;

2. Có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này, trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở và theo các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải và sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép..

**Điều 4.** Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày ban hành.

**Điều 5.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Lộc Hà (Phòng Tài nguyên và Môi trường), tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Trang trại chăn nuôi lợn của ông Nguyễn Văn Sửu theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phó VP/UB (phụ trách);
- Ông Nguyễn Văn Sửu;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL<sub>3</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hồng Lĩnh**



**Phụ lục 01**

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU  
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày / /2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ nhân viên làm việc tại Trang trại với lưu lượng khoảng  $0,8m^3$ /ngày đêm;

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh trong hoạt động chăn nuôi (bao gồm nước thải từ quá trình đào thải của lợn, nước tắm gia súc, rửa chuồng) với lưu lượng khoảng  $54,8m^3$ /ngày đêm.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận; nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: kênh Bầu Nẫy (đoạn qua địa phận thôn Tân Thượng, xã Tân Lộc, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh).

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Thôn Tân Thượng, xã Tân Lộc, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m) = 2023482; Y(m) = 500207 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ )

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:  $55,6m^3$ /ngày đêm (tương đương  $4,63m^3$ /giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải của cơ sở sau khi xử lý đạt Quy chuẩn được xả vào nguồn tiếp nhận (kênh Bầu Nẫy) theo phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: 12 giờ/ngày (bơm định lượng tự động đặt tại bể khử trùng).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt Cột B ( $K_q=0,9$ ;  $K_f=1,2$ ), QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B, $K_q=0,9$ và $K_f=1,2$ )
1	pH	Thang pH	5,5 – 9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	108
3	COD	mg/l	324
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	162
5	Tổng Nitơ (theo N)	mg/l	162
6	Tổng Coliform	mg/l	5.000

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

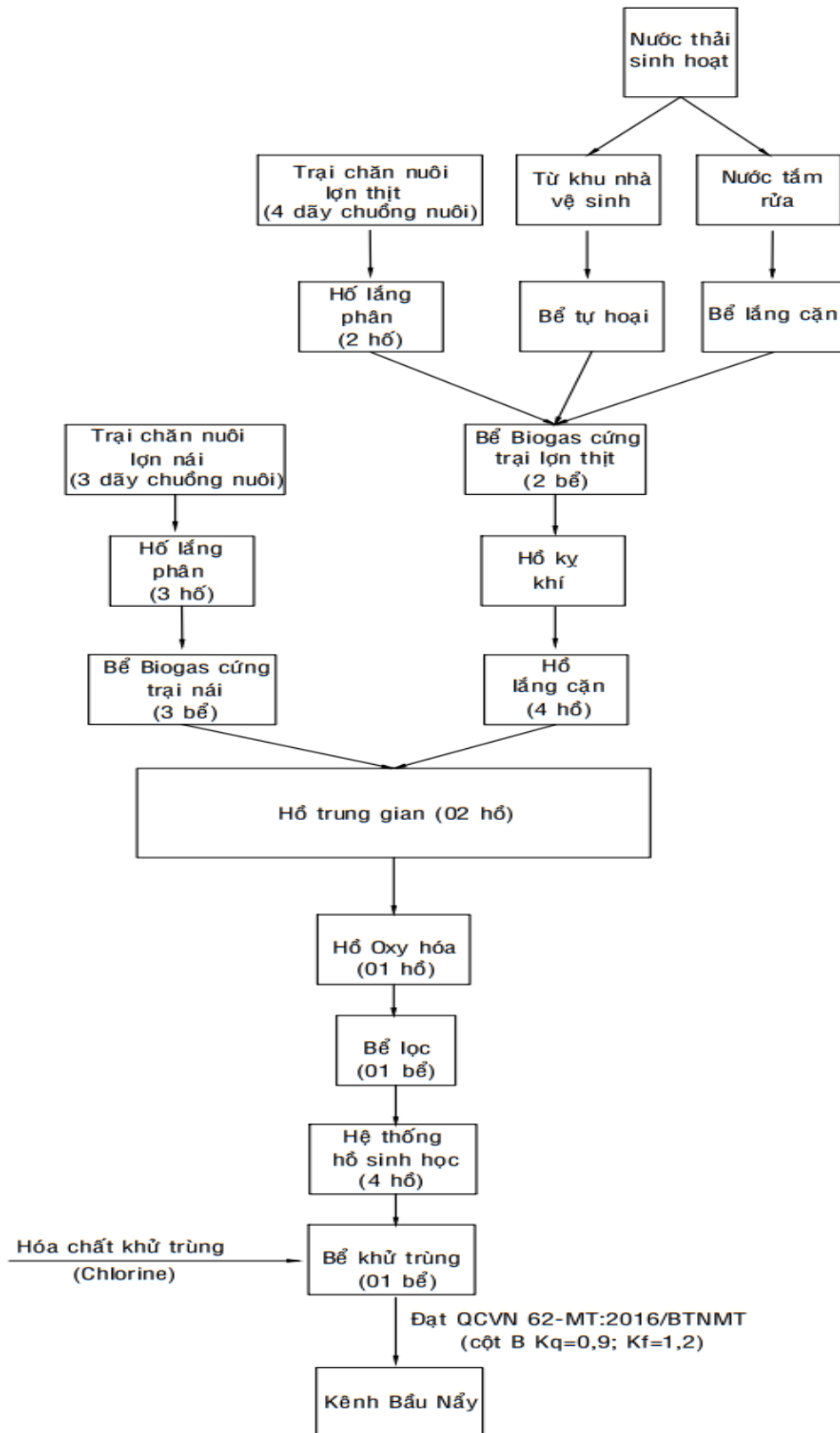
*1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải.*

- *Nước thải sinh hoạt:* Nước thải phát sinh từ quá trình đào thải của con người được thu gom vào bể tự hoại để xử lý, sau đó cùng với nước thải từ hoạt động nấu nướng, tắm giặt, rửa tay chân đã qua lắng lọc tại bể lắng, dẫn vào bể biogas để xử lý cùng nước thải chăn nuôi.

- *Nước thải chăn nuôi:* Nước thải từ các chuồng nuôi lợn thịt được thu gom dẫn vào hố lắng để lắng cặn, phần nước thải tiếp tục chảy vào bể biogas sau đó chảy vào hồ kỵ khí, từ đây nước thải tiếp tục chảy lần lượt vào hệ thống hồ lắng, sau đó cùng với nước thải từ các chuồng nuôi lợn nái (đã qua xử lý tại hố lắng và bể biogas) chảy lần lượt vào các hồ trung gian, rồi chảy vào hồ oxy hóa, sau đó được bơm lên bể lọc và chảy xuống hồ sinh học, từ đây nước thải được bơm lên bể khử trùng, sau đó chảy ra công xả nước thải.

*1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:*

\* Tóm tắt sơ đồ, quy trình công nghệ:



\* Thuyết minh quy trình công nghệ:

+ Nước thải sinh hoạt: Nước thải phát sinh từ quá trình đào thải của con người được thu gom về bể tự hoại để xử lý bằng phương pháp phân hủy kỵ khí. Nước thải sau bể tự hoại được dẫn ra bể biogas (bằng hệ thống ống nhựa HPDE

Ø50 dài 80m) để xử lý cùng nước thải chăn nuôi. Nước thải từ hoạt động nấu nướng, tắm giặt, rửa tay chân,... được thu gom vào bể lắng, sau đó dẫn vào bể biogas của chuồng nuôi lợn thịt (bằng hệ thống mương đất dài 45m rộng 0,5m) để xử lý cùng nước thải chăn nuôi.

+ Nước thải chăn nuôi: nước thải phát sinh tại 04 dãy chuồng nuôi lợn thịt được thu gom theo 02 rãnh xây bằng gạch (02 chuồng 1 rãnh, mỗi rãnh dài 20m, rộng 0,35m, độ dốc  $i=2\%$ ) dẫn vào 02 hố lắng, tại đây phần cặn phân trong nước thải sẽ lắng xuống, phần nước thải tiếp tục chảy theo 2 dòng vào 02 bể biogas sau đó theo 02 mương kín (xây bằng xi măng, có nắp đậy kích thước 200mm) chảy chung vào hồ kỵ khí, từ đây nước thải tiếp tục chảy lần lượt vào hệ thống 4 hồ lắng, sau đó cùng với nước thải từ 3 dãy chuồng nuôi lợn nái (nước thải các dãy chuồng nuôi lợn nái được thu gom theo 03 rãnh xây bằng gạch, mỗi rãnh dài 20m, rộng 0,35m, độ dốc  $i=2\%$ ; dẫn ra 03 hố lắng tách phân để lắng bớt phần phân cặn, phần nước thải tiếp tục chảy vào 03 bể biogas) chảy lần lượt vào 02 hồ trung gian (bằng 01 mương xây bằng gạch: dài 70m, rộng 0,7m, sâu 1,3m), rồi chảy vào hồ oxy hóa, nước thải từ hồ oxy hóa được bơm lên bể lọc, sau đó chảy vào hồ sinh học bằng mương dẫn (dài 35m, rộng 1m, đáy đổ BTCT, bờ xây bằng gạch không nung), từ đây nước thải được bơm lên bể khử trùng, sau đó chảy ra cống xả nước thải.

Thiết kế các hạng mục công trình trong hệ thống xử lý nước thải:

- **Bể tự hoại:** 1 bể bốn ngăn, đặt ngầm dưới công trình vệ sinh, kích thước (1,5x3x1,2)m; dung tích 5,4m<sup>3</sup>, kết cấu: tấm đan đổ BTCT dày 15cm; tường xây gạch không nung dày 15cm; đáy đổ BTCT dày 35cm.

- **Bể lắng nước thải sinh hoạt:** 01 bể lắng cặn 03 ngăn, kích thước (1x3x1,5) m; xây bằng gạch không nung, có nắp đậy kín, đáy đổ BTCT.

- **Hố lắng phân (5 hố):** kích thước mỗi hố 1,5m×2m×1,5m, kết cấu đáy BTCT, tường xây bằng gạch không nung, có nắp đậy; có tác dụng lắng phân cặn.

- **Bể Biogas cứng (05 bể):** khu vực nuôi lợn nái có 03 bể biogas cứng, mỗi bể có kích thước 9m x 9m x 4m; khu vực nuôi lợn thịt có 02 bể biogas cứng, mỗi bể có kích thước 10m x 13,8m x 4m, các bể biogas có kết cấu đáy BTCT, tường xây bằng gạch không nung. Công nghệ Biogas dựa trên nguyên lý hoạt động của vi sinh vật kỵ khí. Trong điều kiện không có oxy các vi sinh vật phân hủy chất hữu cơ biến thành năng lượng hoạt động và khí mê tan. Hỗn hợp khí CH<sub>4</sub>, H<sub>2</sub>S, NO<sub>x</sub>, CO<sub>2</sub>,... tạo thành khí biogas. Khí sinh ra được tận dụng làm chất đốt phát điện thấp sáng.

- **Hồ kỵ khí (01 hồ):** có kích thước 30m x 30m x 2,5m sử dụng bạt HDPE bọc kín hạn chế tối đa tiếp xúc với không khí, có thiết kế và nguyên lý hoạt động tương tự bể Biogas mềm, dựa trên quá trình anaerobic (không có oxi) cắt mạch các chất thải hữu cơ phân hủy chúng thành khí metan, CO<sub>2</sub>, H<sub>2</sub>S,... Ở giai đoạn này nồng độ ô nhiễm trong nước thải đã được giảm đi rất nhiều.

- **Hồ lắng cặn (04 hồ):** hệ thống gồm 04 hồ lắng (tổng diện tích 816m<sup>2</sup>, chiều sâu 2m; bờ hồ được đầm đất sét, đáy lót bạt HDPE để chống thấm), mục đích lắng cặn còn sót lại từ hồ kỵ khí cũng như giải phóng lượng khí sinh ra từ các quá trình xử lý nước thải trước.

- **Hồ trung gian (02 hồ):** 02 hồ trung gian (tổng diện tích 370 m<sup>2</sup>; sâu 1,5 m; bờ hồ được đầm đất sét, đáy lót bạt HDPE). Tại hồ trung gian định kỳ 2 lần/tuần



phun đều chế phẩm sinh học BALASA – N01 đã pha sẵn trong nước lên bề mặt hồ nhằm khử mùi và bổ sung thêm lượng vi sinh vật vào trong nước thải. Bên cạnh đó hồ trung gian còn có mục đích hòa trộn làm đồng nhất nồng độ của 2 dòng thải lại với nhau (*dòng thải khu vực nuôi lợn nái và dòng thải khu vực nuôi lợn thịt*) để làm tăng hiệu quả cho quá trình xử lý nước thải kế tiếp.

- **Hồ oxy hóa (01 hồ):** có diện tích 100 m<sup>2</sup>, sâu 1,5m, bờ được đầm đất sét, thành và đáy lót bạt HDPE. Tại đây đặt 01 bơm chìm cố định dưới hồ, bơm nước lên dàn phun mưa làm bằng ống nhựa uPVC Ø27 đã được đục lỗ Ø3mm chia dòng nước thành nhiều tia nhỏ làm tăng diện tích tiếp xúc của nước thải với không khí. Lượng khí oxy bổ sung từ quá trình này sẽ giúp các nhóm Vi sinh vật hiếu khí có trong nước thải phân hủy một phần các chất hữu cơ nhằm làm giảm nồng độ Nitơ, Phốt pho và các chất hữu cơ khác có trong nước thải.

- **Bể lọc (01 bể):** kích thước (5x7x1,7)m, đáy đổ BTCT, tường xây bằng gạch không nung; vật liệu lọc (sỏi, cát thạch anh) để lọc và hấp thụ những chất thải có trong nước thải.

- **Hệ thống hồ sinh học (04 hồ):** Hệ thống hồ sinh học nằm dọc phía trong đường ranh giới phía Bắc của trang trại có tổng chiều dài khoảng 500m, rộng 8,0m; tổng diện tích khoảng 4.000m<sup>2</sup> (mỗi hồ có diện tích khoảng 1.000m<sup>2</sup>; độ sâu từ 1,5-3,5m, đáy và bờ đắp đất sét). Dưới hồ có thả cá, bèo và các loại tảo có trong nước sẽ tiếp tục quá trình xử lý sinh học những chất thải còn sót lại từ các quá trình trước.

- **Bể khử trùng (01 bể):** Tại hồ sinh học cuối cùng đặt 01 bơm chìm, dùng ống uPVC Ø34 dài 10m bơm nước thải lên bể khử trùng (kích thước (2,3x2,5x1,3)m, đáy đổ BTCT, tường xây bằng gạch không nung. Khử trùng nước thải bằng Chlorine trước khi xả ra ngoài môi trường.

\* Công suất xử lý: 60 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

\* Hóa chất, vật liệu sử dụng cho xử lý nước thải: cát, đá thạch anh, Chlorine.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ ngày 15/6/2024 đến ngày 15/7/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Mẫu nước thải đầu vào khu vực nuôi lợn thịt (tại hồ lắng phân). Tọa độ vị trí lấy mẫu: X (m) = 2023498, Y (m) = 500155 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>30', múi chiếu 3<sup>0</sup>).

- Mẫu nước thải đầu vào khu vực nuôi lợn nái (tại hồ lắng phân). Tọa độ vị trí lấy mẫu: X (m) = 2023468, Y (m) = 500112 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>30', múi chiếu 3<sup>0</sup>).

- Mẫu nước thải đầu ra (tại vị trí xả nước thải). Tọa độ vị trí lấy mẫu: X(m) = 2023482; Y(m) = 500207 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>30', múi chiếu 3<sup>0</sup>).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo mục 2.3.3 Phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: tối thiểu 05 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải (ngày đầu tiên lấy 02 mẫu nước thải đầu vào và 01 mẫu nước thải đầu ra, từ ngày thứ 02 trở đi lấy 01 mẫu đầu ra/ngày).

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường; tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

3.2. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường;

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục;

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý môi trường tại địa phương; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm nguồn nước do việc xả nước thải gây ra./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**Phụ lục 02**

**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI MÙI, KHÍ THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày tháng năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. NGUỒN PHÁT SINH MÙI, KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh mùi, khí thải**

- Khí từ bể Biogas;
- Mùi hôi từ các chuồng nuôi lợn;
- Mùi hôi từ các hạng mục công trình trong hệ thống xử lý nước thải: nhà vệ sinh, mương thoát nước thải, bể lắng tách phân, hồ sinh học,...
- Mùi hôi từ nhà chứa phân; khu tập kết chất thải

**2. Dòng khí thải, vị trí xả mùi, khí thải**

Đây là các nguồn thải phân tán, không tập trung nên không xác định cụ thể vị trí, lưu lượng, phương thức xả thải.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI MÙI, KHÍ THẢI**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu khí thải**

*\* Đối với khí Biogas từ bể Biogas:*

- Bể Biogas được xây bằng gạch không nung đảm bảo khí gas không bị rò rỉ ra môi trường. Thường xuyên kiểm tra bể biogas để kịp thời phát hiện, khắc phục nếu có hiện tượng rò rỉ khí gas từ bể biogas.

- Để đảm bảo khí trong bể Biogas không gây ô nhiễm môi trường không khí cũng như gây cháy, nổ,.. Trang trại lắp đặt hệ thống ống thu khí tại bể Biogas bằng ống nhựa PVC Ø21 có van xả áp để thu khí trong bể Biogas, ống thu khí được đặt cách mặt đất 0,5 mét bên phía đầu ra của bể. Khí Biogas được dẫn theo đường ống riêng để sử dụng với mục đích làm nhiên liệu đốt phát điện.

*\* Đối với mùi hôi từ dãy chuồng chăn nuôi.*

- Lắp đặt hệ thống quạt thông gió nằm dọc theo các dãy chuồng nuôi.  
- Sử dụng chế phẩm BALASA – N01 rắc lên nền chuồng trại với tần suất 7 ngày/lần (từ tháng 9 đến tháng 3 năm sau) và 2 lần/ngày (từ tháng 4 đến tháng 8 hàng năm).

- Trồng cây xanh cách ly giữa các dãy chuồng nuôi, giữa khu vực chuồng nuôi với khu vực điều hành, nhà ăn nghỉ cán bộ nhân viên; trồng cây xanh hai bên đường nội bộ và xung quanh hàng rào của Trang trại.

*\* Đối với mùi hôi từ mương thoát nước thải, hệ thống xử lý nước thải:*

- Hệ thống thu gom nước thải từ các chuồng nuôi về hệ thống xử lý nước thải được xây dựng bằng hệ thống mương bê tông, có nắp đậy kín phía trên nhằm giảm thiểu mùi hôi phát tán ra môi trường.

- Thường xuyên kiểm tra nạo vét không để tắc nghẽn dẫn đến phân tràn, bị rò rỉ ra bên ngoài gây mùi hôi.

- Định kỳ thực hiện nạo vét bể lắng phân và các hồ sinh học

*\* Đối với mùi hôi từ nhà chứa phân, khu tập kết rác thải:*

- Khu vực nhà chứa phân được phun chế phẩm sinh học định kỳ 01 tuần/lần nhằm hạn chế mùi hôi.

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, phân loại và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý, không để ứ đọng lâu ngày.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

2.1. Thường xuyên vận hành các công trình và thực hiện các biện pháp giảm thiểu mùi, khí thải phát sinh tại cơ sở theo yêu cầu tại mục 1 Phần B Phụ lục này;

2.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xả thải mùi, khí thải ảnh hưởng đến môi trường xung quanh cơ sở;

2.3. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý môi trường tại địa phương; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm không khí đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm không khí do hoạt động làm phát tán mùi, khí thải của cơ sở gây ra./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**Phụ lục 03**

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày / / 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. NGUỒN PHÁT SINH TIẾNG ÒN:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:**

- Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào Trang trại;
- Tiếng kêu của lợn phát sinh tại các dãy chuồng nuôi;
- Tiếng ồn từ các động cơ điện (như quạt công nghiệp, máy phát điện, máy bơm nước,...).

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:**

- Tiếng ồn tại các dãy chuồng nuôi lợn và tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện giao thông ra vào trang trại,...: đây là nguồn phân tán, không xác định vị trí cụ thể.
- Tiếng ồn của máy phát điện dự phòng: Có tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ): X(m): 20 23 466; Y(m): 05 00 081.

**3. Tiêu chuẩn tiếng ồn:**

Tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

TT	Từ 6 - 21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Tối thiểu 01 năm/lần	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN:**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:**

- Bố trí nhà để máy phát điện riêng biệt với các khu vực khác; lắp đặt các tấm đệm cao su ở chân máy phát điện nhằm giảm phát sinh tiếng ồn, độ rung khi máy hoạt động.
- Kiểm tra thường xuyên và xiết lại các ốc vít bị lỏng, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, phương tiện máy móc nhằm hạn chế phát sinh tiếng ồn.
- Khu vực chuồng nuôi được bố trí cách ly với khu vực điều hành, nhà ăn nghỉ cán bộ nhân viên.
- Bố trí khu vực tập kết và bãi đỗ cho các phương tiện giao thông gần cổng ra vào trang trại (tách biệt với khu nhà ăn nghỉ cá bộ nhân viên và chuồng nuôi lợn).
- Tăng cường trồng cây xanh xung quanh trong khuôn viên trang trại, đặc biệt là khu vực gần các dãy chuồng nuôi.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**



**Phụ lục 04**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ ngày / /2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

**1.1. Chất thải rắn sinh hoạt:**

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh, gồm: Giấy báo, thùng carton, túi nilon, bao gói thực phẩm, thức ăn dư thừa,... khoảng 10kg/ngày.

**1.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

- Phân lợn phát sinh từ các chuồng nuôi khoảng 3,7 tấn/ngày;
- Bao bì đựng cám phát sinh khoảng 19kg/ngày ;
- Nhau thai, lợn chết non, lợn chết không do dịch bệnh: Các chất thải này không phát sinh thường xuyên, khối lượng không xác định.
- Bùn thải từ bể tự hoại, khối lượng khoảng 1,23m<sup>3</sup>/lần/02 năm;
- Bùn cặn từ bể biogas, khối lượng khoảng 207,6m<sup>3</sup>/lần/02 năm;
- Bùn nạo vét hồ sinh học, khối lượng khoảng 400m<sup>3</sup>/lần/02 năm
- Bùn thải từ nạo vét hệ thống mương thoát nước: khối lượng khoảng 4,5m<sup>3</sup>/lần/năm.

**1.3. Chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát:**

STT	Loại chất thải	Ký hiệu phân loại	Số lượng (kg/tháng)	Mã CTNH
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, dẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	KS	10	18 02 01
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải.	NH	3	16 01 06
3	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	KS	5	18 01 01
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	KS	12	18 01 03
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	NH	4	17 02 03
6	Pin, ắc quy thải	NH	1	16 01 12

STT	Loại chất thải	Ký hiệu phân loại	Số lượng (kg/tháng)	Mã CTNH
7	Gia súc chết (do dịch bệnh)	NH	Phát sinh đột xuất, không ước tính số lượng	14 02 01
8	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	NH	0.5	13 02 01
<b>Tổng cộng</b>			<b>35.5</b>	

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải y tế nguy hại**

### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

#### 2.1.1. Thiết bị, khu vực lưu chứa:

Bố trí các thùng đặt ở các vị trí thuận lợi trong khuôn viên nhằm thu gom chất thải rắn sinh hoạt (Khu vực nhà điều hành, nhà ăn, nhà bếp, nhà khử trùng,...). Mỗi vị trí bố trí 03 thùng cạnh nhau với dung tích khoảng 35 lít/thùng (thùng làm bằng nhựa, có dán nhãn), để thu gom, phân loại tại nguồn, bao gồm: Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; Chất thải thực phẩm và Chất thải rắn sinh hoạt khác. Tại khu vực tập kết (Kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 9m<sup>2</sup>, tường xây, nền cao, lán vữa xi măng M150 tạo nhám và mái lợp tôn tránh mưa nắng), bố trí 02 thùng nhựa (thể tích mỗi mỗi thùng 0,3m<sup>3</sup>) có nắp đậy để lưu giữ riêng chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế và chất thải rắn sinh hoạt khác. Đối với chất thải thực phẩm được thu gom vận chuyển về nhà ủ phân.

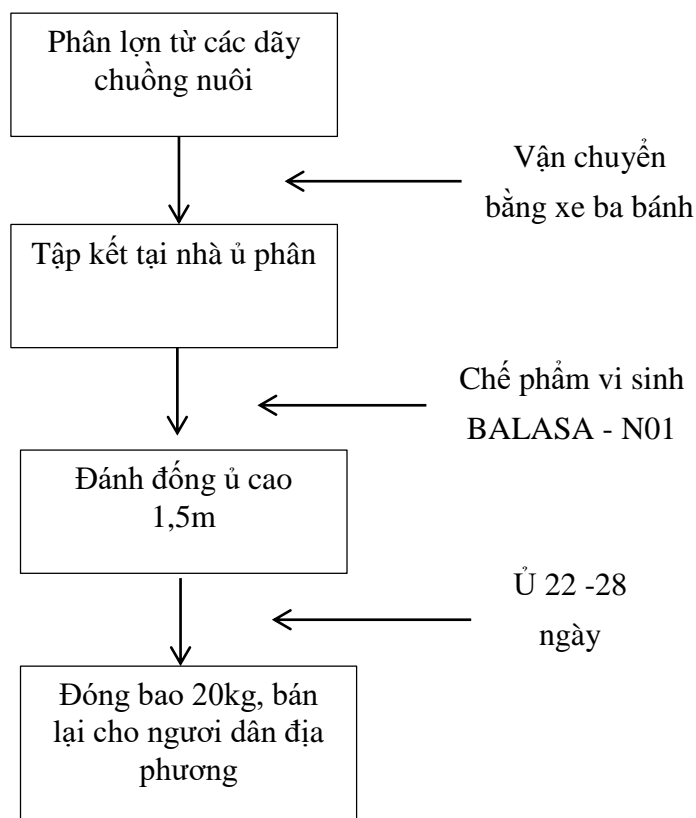
#### 2.1.2. Biện pháp thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

- Đối với chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế, định kỳ chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân thu mua phế liệu.
- Đối với chất thải thực phẩm đưa về nhà ủ.
- Đối với chất thải rắn sinh hoạt khác được tập kết; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

- Phân từ các chuồng nuôi được công nhân thu gom thủ công, đưa về nhà chứa phân bằng xe đẩy 3 bánh. Phân sau khi được đưa về nhà chứa phân và tiến hành ủ. Nhà chứa phân có diện tích khoảng 70m<sup>2</sup>; kết cấu bằng gạch, nền bằng xi măng, lợp mái tôn, thiết kế không để nước mưa chảy vào.





Sơ đồ quy trình ủ phân

- Bao bì đựng thức ăn: Được thu gom, một phần tận dụng để chứa phân hữu cơ sau khi được ủ, phần còn lại sẽ thu gom bán phế liệu.

- Bùn thải bể tự hoại: Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ bơm hút, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Bùn thải từ nạo vét hệ thống mương thoát nước đưa vào khu vực trồng cây xanh trong trang trại;

- Bùn thải từ nạo vét các bể biogas, từ hồ sinh học được bơm hút đưa về nhà chứa phân để ủ cùng với phân lợn.

- Đối với nhau thai, lợn chết non, lợn chết không do dịch bệnh: Được tận dụng chế biến làm thức ăn cho chăn nuôi.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH), chất thải công nghiệp phải kiểm soát (CTCNPKS):

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí các thùng nhựa đựng CTNH, CTCNPKS có dung tích phù hợp, có nắp đậy, dán nhãn, phân loại chất thải đặt trong Kho lưu giữ chất thải.

2.3.2. Kho lưu chứa:

Kho lưu chứa CTNH, CTCNPKS có diện tích 20m<sup>2</sup>, được bố trí nằm cạnh kho cám. Kết cấu kho: tường xây gạch tấp lô 2 mặt trát vữa, nền được xây cao, láng vữa xi măng; mái lợp tôn; trước cửa kho có biển báo Khu vực lưu chứa chất thải theo quy định.

2.3.3. Biện pháp thu gom, xử lý:

Chất thải được thu gom, phân định, phân loại, lưu chứa tại kho; ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định. Đối với lợn chết do dịch bệnh: Chủ cơ sở thông báo với chính quyền địa phương và cơ quan thú y biết để được hướng dẫn đưa đi xử lý theo quy định của pháp luật thú y và pháp luật có liên quan.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. *Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ*: Thực hiện đầy đủ các biện pháp PCCC theo hồ sơ thẩm duyệt PCCC của cơ quan chức năng và tuân thủ việc quản lý vận hành công trình, thiết bị theo đúng quy định.

2. *Phòng ngừa và ứng phó sự cố thiên tai, ngập lụt*:

- Theo dõi thường xuyên dự báo thời tiết để có thể nắm bắt chính xác diễn biến mưa, bão nhằm có phương án ứng phó kịp thời.

- Định kỳ trước mùa mưa bão, tiến hành kiểm tra sửa chữa, chằng chống các công trình.

- Kiểm tra, sửa chữa nạo vét hệ thống thoát nước thải, nắp đậy các hố ga, tránh hiện tượng sụt lún, nứt vỡ gây tắc nghẽn, ngập lụt cuốn theo nước bẩn ra môi trường xung quanh.

- Thành lập và duy trì các hoạt động của đội cứu hộ, đồng thời phối hợp với lực lượng phòng chống thiên tai địa phương trong những lúc cần thiết.

3. *Phòng ngừa, ứng phó sự cố về điện*:

Các thiết bị điện phải tính toán dây dẫn có tiết diện hợp lý với cường độ dòng, phải có thiết bị bảo vệ quá tải, đối với những khu vực nhiệt độ cao, dây điện phải đi ngầm hoặc được bảo vệ kỹ, ngắt cầu dao điện khi không có nhu cầu sử dụng, thường xuyên kiểm tra độ an toàn của các công tắc, thiết bị điện.

4. *Phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải*:

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải hoạt động ổn định, hiệu quả xử lý cao.

- Thường xuyên kiểm tra để sớm phát hiện rò rỉ nước thải từ thân bể.

- Kiểm tra đồng hồ đo khí biogas để kiểm tra tính ổn định của hệ thống, trường hợp hệ thống xử lý không đạt hiệu quả như thiết kế cần liên hệ đơn vị thi công để có biện pháp khắc phục.

- Thường xuyên kiểm tra đầu vào và đầu ra của bể Biogas tránh tắc nghẽn chảy tràn ra xung quanh, đảm bảo vận hành đúng lưu lượng theo thiết kế.

- Thường xuyên theo dõi báo đài dự báo thời tiết để có biện pháp phòng chống thích hợp; tổ chức nạo vét hệ thống thoát nước, tránh hiện tượng tắc nghẽn gây ngập úng khi có mưa lớn.

- Có biển báo, rào chắn tại các khu vực nhạy cảm, nơi có hố sâu, dễ sập lún.

- Hướng dẫn công nhân vận hành hệ thống xử lý đúng quy trình.

- Khi phát hiện hệ thống hoạt động không hiệu quả, chất lượng nước thải đầu ra sau xử lý chưa đạt yêu cầu, phải khẩn trương kiểm tra từng hạng mục, từng

thiết bị trong hệ thống để phát hiện nguyên nhân xảy ra sự cố; sửa chữa và thay thế thiết bị nếu cần thiết.

- Trước khi hệ thống xử lý nước thải được khắc phục, sửa chữa, phải lưu trữ nước thải tại 02 Hồ trung gian (có tổng diện tích 370 m<sup>2</sup>; sâu 1,5 m; bờ hồ được đầm đất sét, đáy lót bạt HDPE) không cho nước thải chảy ra ngoài hoặc chảy sang hồ khác.

*5. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác:*

Thực hiện theo các biện pháp đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**